

Bản án số: 618/2026/DS-PT

Ngày 05/5/2026

V/v “*Tranh chấp tiền đền bù
do QSSĐ bị thu hồi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Thanh

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **144/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Tiền đền bù quyền sử dụng đất bị thu hồi”**.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 195/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Minh T, sinh năm: 1972; CCCD số 080072008916; địa chỉ: ấp A, xã C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Phú V, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2024; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1970; CCCD số...; địa chỉ: ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Trung K, sinh năm: 1988; CMND số 023759813.

3.2. Bà Dương Thị Tuyết N, sinh năm 1985; CMND số 025831104.

Cùng địa chỉ: I N, ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh)

3.3. Bà Vũ Thị Thái L1, sinh năm 1961; CMND số 281129004.

3.4. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1955; CMND số 281143824.

Cùng địa chỉ: số D ấp T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); ông P, bà L1 xin vắng mặt tại bản tự khai ngày 08/9/2025.

3.5. Bà Võ Thị B, sinh năm 1969; CCCD số 079169004634; địa chỉ: G Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện cho bà B là bà Hoàng Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ C, phường T, tỉnh Gia Lai; có mặt và ông Nguyễn Võ Đại M, sinh năm 1993; địa chỉ: KĐT A, N. 14 Lô A, tổ A, phường C, tỉnh Quảng Ngãi theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2026; có mặt.

3.6. Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực C. Người đại diện theo pháp luật Ông Võ Văn T1; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B.**

5. Viện kiểm sát kháng nghị: **không.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày: Ông Dương Minh T là chủ sử dụng các thửa 3068, 3069, tờ bản đồ số 4, tại xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh). Phần đất này nay đã được thu hồi bàn giao cho Công ty TNHH H2 để thực hiện dự án khu dân cư.

Quá trình quản lý và sử dụng đất ông T có đào ao để nuôi trồng thủy sản. Vào năm 2017, ông T chuyển nhượng hai thửa đất cho ông Nguyễn Thanh L; giữa ông T và ông L có lập giấy cam kết ngày 20/7/2017 có nội dung: “Ông T được hưởng tiền đền bù chi phí đào ao”. Sau đó ông L chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trung K và bà Vũ Thị Thái L1. Ông K và bà L1 đã nhận tiền bồi thường giá trị đất. Đối với tiền bồi thường chi phí đào ao là 137.700.000 đồng, ông K và bà L1 chưa nhận thì xảy ra tranh chấp. Hiện nay Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực C đang quản lý số tiền nêu trên. Nay ông T khởi kiện ông L yêu cầu công nhận số tiền đền bù hỗ trợ chi phí đào ao là 137.700.000 đồng thuộc sở hữu của ông T; ông có quyền liên hệ Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực C nhận số tiền này.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 5/8/2025: Vào khoảng năm 2017 ông L có nhận chuyển nhượng thửa 3068, 3069 của ông T. Sau đó chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trung K và bà Vũ Thị Thái L1, việc mua bán giữa các bên đã hoàn tất. Tuy nhiên, do hai thửa đất này bị thu hồi để thực hiện dự án khu dân cư do Công ty TNHH H2 là chủ đầu tư. Nên ông có lập cam kết ngày 20/7/2017 với nội dung: “Ông T được nhận tiền bồi thường chi phí đào ao và tài sản trên đất”. Theo bảng chiết tính thì tiền bồi thường là 137.700.000 đồng. Ông L đồng ý để ông T nhận số tiền này, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác. Đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình P và bà Vũ Thị Thái L1 trình bày tại Bản tự khai ngày 8/9/2025: Ông Nguyễn Đình P và bà Vũ Thị Thái L1 là vợ chồng. Vào khoảng năm 2017 vợ chồng bà L1 có nhận chuyển nhượng thửa 3069, tờ bản đồ số 4 của ông Nguyễn Thanh L, giao dịch mua bán giữa các bên đã hoàn tất. Ngày 24/5/2017, ông P và bà L1 đã ủy quyền cho bà Võ Thị B nhận tiền bồi thường. Ngày 24/02/2021 bà Võ Thị B đã nhận tiền bồi thường đất là 1.907.550.000 đồng; chưa nhận tiền hỗ trợ chi phí đào ao là 68.850.000 đồng. Ông P và bà L1 không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông P và bà L1 đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B trình bày tại Bản tự khai ngày 8/9/2025

Vào ngày 24/5/2017 bà Võ Thị B có nhận ủy quyền của vợ chồng ông Nguyễn Đình P, bà Vũ Thị Thái L1 và vợ chồng ông Nguyễn Trung K, bà Dương Thị Tuyết N. Nội dung ủy quyền: bà B được nhận tiền bồi thường giá trị đất bị thu hồi để thực hiện dự án khu dân cư do Công ty TNHH H2 là chủ đầu tư. Thực hiện nội dung ủy quyền, ngày 24/02/2021 bà B đã nhận số tiền đền bù thửa đất số 3068 là 1.907.550.000 đồng và thửa đất số 3069 là 1.907.550.000 đồng. Chưa nhận tiền hỗ trợ chi phí đào ao đối với thửa 3068 là 68.850.000 đồng và thửa 3069 là 68.850.000 đồng. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và không có yêu cầu gì đối với vụ án. Trường hợp công nhận ông T được nhận số tiền trên thì ông T tự thực hiện các thủ tục để nhận. Trường hợp công nhận ông K, bà L1 được nhận phần tiền này thì bà sẽ đại diện cho ông K và bà L1 để nhận. Ngoài ra, bà đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực C trình bày tại Công văn số 454/KVCG-NV ngày 8/8/2025 và Công văn số 1084/KVCG-NV ngày 29/8/2025:

Thửa đất số 3068, tờ bản đồ số 4 của ông Nguyễn Trung K, ngày 13/11/2018 UBND huyện C ban hành Quyết định số 9131/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư do Công ty TNHH H2 là chủ đầu tư tại xã L. Tại Quyết định số 6800/QĐ-UBND, số tiền bồi thường của thửa 3068 là 1.976.400.000 đồng. Ngày 24/02/2021 bà Võ Thị B đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Trung K và bà Dương Thị Tuyết N đã nhận tiền đền bù đất là 1.907.550.000 đồng, còn lại số tiền hỗ trợ chi phí đào ao là 68.850.000 đồng chưa nhận.

Thửa đất số 3069, tờ bản đồ số 4 của bà Vũ Thị Thái L1, ngày 13/11/2018 UBND huyện C ban hành Quyết định số 7764/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư do Công ty TNHH H2 là chủ đầu tư tại xã L. Tại Quyết định số 11658/QĐ-UBND, số tiền bồi thường của thửa 3069 là 1.976.400.000 đồng. Ngày 24/02/2021 bà Võ Thị B đại diện theo ủy quyền cho bà Vũ Thị Thái L1 và ông Nguyễn Đình P đã nhận tiền đền bù đất là 1.907.550.000 đồng, còn lại số tiền hỗ trợ chi phí đào ao là 68.850.000 đồng chưa nhận.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh T, đồng thời xin vắng mặt trong quá trình

Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 73/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tây Ninh đã quyết định.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh T đối với ông Nguyễn Thanh L về việc tranh chấp “Quyền sở hữu tài sản”.

1.1 Ông Dương Minh T được quyền sở hữu tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chi phí đào mương đối với phần đất thuộc các thửa 3068, 3069, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã C, tỉnh Tây Ninh là 137.700.000 đồng.

1.2 Ông Dương Minh T được quyền liên hệ Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực C để nhận số tiền nêu trên.

2. Về án phí: Ông Dương Minh T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 3.442.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 14254 ngày 04/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh). H1 lại cho ông Dương Minh T 3.142.500 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh T; công nhận cho vợ chồng ông Nguyễn Trung K, bà Dương Thị Tuyết N và vợ chồng bà Vũ Thị Thái L1, ông Nguyễn Đình P được sở hữu tiền bồi thường chi phí đào ao trên đất bị thu hồi.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên lời trình bày thể hiện trong hồ sơ, không cung cấp thêm chứng cứ mới; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với bà K, ông K.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: hồ sơ vụ án không thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt Thông báo thụ lý cho ông Nguyễn Trung K, bà Dương Thị Tuyết N; tổng đạt quyết định xét xử cho ông P, bà L1, ông K bà N. Ngày 09/9/2025 ra quyết định xét xử số 110/2025/QĐXXST-DS mở phiên tòa ngày 23/9/2025, ông K bà N không có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng ngày 23/9/2025 Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử vụ án mà không có mặt của những đương sự này là vi phạm quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS. Nội dung trình bày của ông L không phù hợp với giấy cam kết nhưng Tòa sơ thẩm không cho đối chất giữa ông P bà L1, ông K bà N với ông L, ông T để làm rõ việc chuyển nhượng thửa 3068, 3069 có liên quan đến ông L hay không mà chỉ căn cứ vào Giấy cam kết ngày 20/7/2017 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không đảm bảo tính khách quan trong việc xem xét đánh giá chứng cứ.

Hơn nữa, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông K, bà L1 được UBND xã L chứng thực ngày 27/11/2007, giấy cam kết của ông L viết năm 2017, nội dung này cũng chưa được đối chất làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án khu vực giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: **ngày 24 tháng 12 năm 2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B có đơn kháng cáo** trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2.1] Theo tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện. Nguồn gốc thửa đất số 1823, tờ bản đồ số 04, diện tích 13.339 m², loại đất lúa, tại xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh) là của ông Dương Minh T, được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/8/1999.

[2.2] Ngày 27/11/2007, ông T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hai người gồm: Ông Nguyễn Trung K diện tích 4.050 m², thửa số 3608 (tách từ thửa số 1823), tờ bản đồ số 04, loại đất lúa và bà Vũ Thị Thái L1 diện tích 4.050 m², thửa số 3609 (tách từ thửa số 1823), tờ bản đồ số 04, loại đất lúa. Hợp đồng chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C chứng thực. Ngày 26/12/2007, Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý trang 4 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho ông Nguyễn Trung K và bà Vũ Thị Thái L1 đứng tên.

Trong hồ sơ vụ án có lời khai của ông T, ông L; không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông Dương Minh T ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông L, sau đó ông Nguyễn Thanh L chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trung K và bà Vũ Thị Thái L1. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông T chuyển nhượng đất cho ông L là chưa có căn cứ vững chắc.

[2.3] Ngày 24/5/2017, bà Vũ Thị Thái L1, ông Nguyễn Đình P ký hợp đồng ủy quyền cho bà Võ Thị B; đến ngày 30/5/2017, ông Nguyễn Trung K, bà Dương Thị Tuyết N1 ký hợp đồng ủy quyền cho bà Võ Thị B với nội dung như sau: “ Bà B được toàn quyền định đoạt, quản lý, sử dụng diện tích 4.050 m², thửa số 3608 (tách từ thửa số 1823) và diện tích 4.050 m², thửa số 3609 (tách từ thửa số 1823), tờ bản đồ số 04, loại đất lúa. Thương lượng và toàn quyền quyết định về giá đền bù, các khoản hỗ trợ và các lợi ích khác. Ký nhận và toàn quyền quyết định toàn bộ tiền đền bù, các khoản hỗ trợ từ chủ đầu tư hoặc từ các cơ quan chức năng, trên tất cả các giấy tờ, tài liệu liên quan đến thủ tục bồi thường giải phóng mặt

bằng, nhận tiền đền bù. Thời hạn ủy quyền là 40 năm, kể từ ngày hợp đồng được chứng nhận”.

[2.4] Ngày 13/11/2018, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số: 9131/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Nguyễn Trung K diện tích 4.050 m², thửa số 3608 và Quyết định số: 7764/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Vũ Thị Thái L1 diện tích 4.050 m², thửa số 3609. Ngày 24/02/2021, bà Võ Thị B người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Thái L1, ông Nguyễn Đình P; ông Nguyễn Trung K, bà Dương Thị Tuyết N1 nhận tiền bồi thường thửa đất số 3608 là 1.907.550.000 đồng và thửa số 3609 là 1.907.550.000 đồng. Riêng khoản tiền hỗ trợ chi phí đào ao thửa số 3608 là 68.850.000 đồng và thửa số 3609 là 68.850.000 đồng bà B chưa nhận do có tranh chấp với ông T nên Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã C) có văn bản đề nghị tạm ngưng chi tiền bồi thường.

[2.5] Thửa số 3608, 3609 tờ bản đồ số 04 do ông Nguyễn Trung K và bà Vũ Thị Thái L1 đứng tên quyền sử dụng đất từ năm 2007. Đến ngày 24/5/2017 và ngày 30/5/2017 ông Nguyễn Trung K và bà Vũ Thị Thái L1 ký hợp đồng ủy quyền cho bà Võ Thị B được toàn quyền định đoạt, quản lý, sử dụng....thời hạn ủy quyền là 40 năm, kể từ ngày hợp đồng được chứng nhận. Ông Nguyễn Thanh L không phải là chủ có quyền sử dụng hai thửa đất số 3608, 3609, tờ bản đồ số 04, nhưng lại lập giấy cam kết ngày 20/7/2017 để cho ông Dương Minh T hưởng tiền bồi thường nêu trên là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ ông L có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay không là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm không bổ sung được.

[3] Ngày 24/5/2017, bà Vũ Thị Thái L1, ông Nguyễn Đình P ký hợp đồng ủy quyền cho bà Võ Thị B; đến ngày 30/5/2017, ông Nguyễn Trung K, bà Dương Thị Tuyết N1 ký hợp đồng ủy quyền cho bà Võ Thị B được toàn quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, thương lượng và toàn quyền quyết định về giá đền bù, các khoản hỗ trợ và các lợi ích khác, nhận và toàn quyền quyết định toàn bộ tiền đền bù, các khoản hỗ trợ từ chủ đầu tư hoặc từ các cơ quan chức năng.....trước khi tranh chấp xảy ra. Nội dung hợp đồng không ủy quyền cho bà B tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai ông K, bà N1; đưa vụ án ra xét xử trong khi ông K, bà N1 không đơn đề nghị xử vắng mặt. Bà B không có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án này nhưng đưa bà B vào tham gia tố tụng, bà B kháng cáo là không đúng. Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (khoản 4 Điều 68; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

[4] Từ những phân tích nêu trên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ **Bản án Dân sự sơ thẩm số: 73/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 23/2026/QĐ-SCBSBA ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tây Ninh.**

2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực 7 –Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000497 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7, Tây Ninh;
- THADS;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng